

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: BẢN THÂN – NGÀY HỘI CỦA CÔ GIÁO

Thời gian thực hiện: 4 Tuần (Từ ngày 04/11/2024 - 29/11/2024)

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Hoạt động giáo dục	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
1	- Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay: giơ cao; đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.	* Hoạt động chơi - tập có chủ định - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra, Gà gáy sáng - Tay: Giơ 2 tay lên cao hạ xuống; đưa 2 tay ra phía trước, hạ xuống; đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân. - Các bài tập phát triển chung trong TDS, hoạt động chơi – tập có chủ định - Giáo dục trẻ học tập và làm theo Bác: Thường xuyên luyện tập thể dục để tăng cường sức khỏe	
2	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động: Đi bước vào các ô. Nhún bật tại chỗ	- Đi bước vào các ô - Nhún bật tại chỗ	* HĐ chơi - tập có chủ định - Vận động: + Đi bước vào các ô + Nhún bật về phía trước * Hoạt động chơi: - TC: Tập tầm vông - TC: Bóng tròn to	
3	- Trẻ thực hiện phối hợp tay-mắt: Ném xa bằng 1 tay	- Ném xa bằng 1 tay	* HĐ chơi- tập có chủ định: - Vận động: Ném xa bằng 1 tay * Hoạt động chơi: - TC: Trời nắng trời mưa	
4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi: Bò qua vật cản	- Bò qua vật cản	* HĐ chơi - tập có chủ định - Vận động: Bò qua vật cản * Hoạt động chơi: - TC: Lộn cầu vòng	

6	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé	* Hoạt động chơi tập có chủ định - HĐVDV: Xâu vòng tặng bạn búp bê * Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời - Hoạt động góc (nấu ăn, ru em ngủ...) - Chơi chiều: Chơi lá cây....	
7	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ...	- Nhón nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây - Đóng cọc bàn gỗ	* HĐ chơi tập có chủ định: - HĐVDV: + Xâu vòng tặng bạn búp bê + Nặn vòng đeo tay + Nặn cái vòng tặng cô *Hoạt động chơi: - HĐG: Góc hoạt động với đồ vật “Xâu vòng, xếp hình theo ý thích của trẻ....”; - Góc vận động “ Đóng cọc bàn gỗ, nhón nhặt đồ vật” - Chơi tự do ở các góc trong giờ đón , trả trẻ - TCM: Lộn cầu vòng, Tập tầm vông, Nu na nu nống	
8	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau (Thịt băm, cơm hạt, trứng...)	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân. - Vệ sinh: Giáo dục trẻ rửa tay (sau khi chơi, trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh) + Thực hành vứt rác đúng nơi quy định. - Thực hành rửa tay bằng xà phòng - Giờ ăn: Trò chuyện về các loại thức ăn, biết ăn chín uống chín, ăn nhiều loại thức ăn, trong quá trình ăn nhắc trẻ không làm cơm rơi vãi, trước khi ăn mời cô, mời bạn - Giờ ngủ: Nhắc trẻ không được nô đùa, nói chuyện.	
9	- Trẻ biết ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: -Trong giờ ngủ: Cho trẻ ngủ	

			đúng giờ, ngủ một giấc. Trong quá trình trẻ ngủ có thể mở nhạc nhẹ, nhạc hát ru cho trẻ nghe.	
10	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định, theo sự hướng dẫn của cô.	Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: - Vệ sinh: Thực hành đi vệ sinh đúng nơi quy định. Đi trước, sau giờ ăn và trước khi trả trẻ	
11	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của lớn (lấy nước uống, xúc cơm, đi vệ sinh...)	- Tập tự phục vụ + Xúc cơm, uống nước + Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt + Chuẩn bị chỗ ngủ + Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: - Trong giờ ăn. + Tổ chức giờ ăn cho trẻ. + Quan sát và đàm thoại với trẻ về cách sử dụng một số đồ dùng đúng cách. + Thực hành: Sử dụng cốc uống nước, sử dụng bát, thìa trong khi ăn. - Giờ ngủ: Chuẩn bị chỗ ngủ cùng cô như lấy gối, lấy chăn, giải thảm xóp cùng cô... ngủ dậy thì cất đồ cùng cô. - Trong các hoạt động: Nói với cô giáo khi có nhu cầu đi vệ sinh...	
12	- Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.	* Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời (đội mũ, mặc quần áo ấm khi ra ngoài trời chơi, cởi và thay quần áo khi bẩn dưới sự giúp đỡ của cô...) - Giờ đón, trả trẻ: Cho trẻ xem video dạy kỹ năng đi giày, dép và giáo dục trẻ: Không được vút dép, tắt, quần áo...phải cất vào tủ của mình, để đúng nơi quy định.	
14	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng	* Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời: Không dẫm lên hột hạt, nơi	

	trèo lên lan can, cầu thang chơi, nghịch các vật sắc nhọn, chọc tay vào ổ điện ...) khi được nhắc nhở	tránh, khi được nhắc nhở.	trơn trượt, không lại gần bếp nóng, không leo trèo cây, lan can, cầu thang, giếng nước... - Không leo trèo nắp bể, giếng... - Giờ đón, trả trẻ: Cho trẻ xem video về một số nơi trẻ không phép lại gần, trò chuyện cùng trẻ - Dạo chơi ngoài trời: Nhắc trẻ không được đến gần bếp đang đun, bể nước, giếng... * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Giờ ăn: Giáo dục và nhắc nhở trẻ trong khi ăn không được khóc, không được nô đùa tránh hóc, sặc, không được ngậm thìa, không ăn canh nóng...	
--	---	---------------------------	---	--

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

15	- Trẻ biết sờ, nắn, nhìn, nghe để nhận biết một số đặc điểm nổi bật của đồ dùng quen thuộc của bản thân	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu theo gợi ý của cô. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật quen thuộc - Sờ, nắn, nhìn... đồ vật, để nhận biết một số đặc điểm nổi bật.	* Hoạt động chơi - DCNT: Yêu cầu trẻ tìm vật cô vừa cất giấu - HĐG (góc hđvdv: chơi với các khối nhựa, hạt hạt) - Chơi trong giờ đón, trả trẻ (Chơi tự do ở các góc) - TCM: Đồ gì biến mất	
16	- Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Đồ dùng, đồ chơi của bản thân như trang phục của bé (quần, áo, giày, dép...)	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: - HĐNB: + Nhận biết trang phục của bé. * Hoạt động chơi: - Hoạt động góc, Dạo chơi ngoài trời (Chơi theo ý thích), chơi tự do ở các góc trong giờ đón trả trẻ (Trò chuyện về trang phục, giày dép của bé...) - Giáo dục trẻ học tập và làm theo Bác: Biết giữ gìn	

			đồ dùng, đồ chơi; biết giữ gìn vệ sinh thân thể...	
18	- Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên, chức năng chính của một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân	* Hoạt động chơi - tập có chủ định - HDNB + Các bộ phận trên cơ thể của bé (5E) + Các bộ phận trên cơ thể của bé - Trẻ nghe và hiểu, nói được các từ: Bé trai, bé gái, mắt, mũi, chân, tay.... - Giáo dục trẻ biết giữ gìn, vệ sinh thân thể	
20	Trẻ biết chỉ / nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ / vàng / xanh theo yêu cầu	- Màu đỏ, vàng, xanh	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: - HDVĐV: + Xâu vòng tặng bạn búp bê * Hoạt động chơi - Chơi trong giờ đón, trả trẻ (Chơi tự do ở các góc) - DCNT (Chơi theo ý thích cho trẻ nhặt đồ vật có màu xanh, đỏ, vàng khác nhau) - HDG (Góc HDVĐV nhặt đồ vật vào rổ theo yêu cầu của cô) - Chơi tự do trong giờ đón trẻ, trả trẻ, chơi buổi chiều	
21	Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước (to/nhỏ) theo yêu cầu	Kích thước (to - nhỏ) - Hình tròn, hình vuông - Vị trí trong không gian (trên - dưới - trước - sau so với bản thân trẻ)	* Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời - Hoạt động góc(góc HDVĐV: Chơi với các khối nhựa, hạt hạt, nhặt đồ vật vào rổ theo yêu cầu của cô - Chơi theo ý thích cho trẻ nhặt kích thước to nhỏ khác nhau. - Chơi trong giờ đón, trả trẻ (Chơi tự do ở các góc) - Chơi – tập buổi chiều	

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

22	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 1-2 hành động. Ví dụ: “Cháu cất balo rồi đi vào lớp....”	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói	* Hoạt động giao lưu cảm xúc - Giờ đón, trả trẻ: Cho trẻ thực hành cất, lấy balo của trẻ * Hoạt động chơi - DCNT (Chơi tự do theo ý thích cất đồ chơi sau khi chơi xong) - HĐG (Chơi ở các góc chơi: Góc HĐVĐV cất khối nhựa, hột hạt, nút nhựa...) - Chơi - tập buổi chiều (Cất đồ chơi sau khi chơi xong)	
23	Trẻ trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “...làm gì?”; “...thế nào?” (Ví dụ: “Ai đây? Bạn ấy là bạn trai hay bạn gái? Miệng xinh để làm gì?)	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?” - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau - Nghe các từ chỉ tên gọi, đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc: Giao tiếp với trẻ trong giờ đón, trả trẻ * Hoạt động chơi – tập có chủ định - Cho trẻ quan sát, nhận biết tranh ảnh, vật thật qua các bài thơ, câu chuyện * Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời .(Cho trẻ quan sát, nhận biết cây cối và các đồ chơi ở các nhóm chơi tự do) - Chơi ở các góc chơi theo ý thích (Cô gọi hỏi trẻ nhận biết đồ dùng, đồ chơi ở các góc chơi) * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Giờ ngủ: Cô tập cho trẻ xếp, cất gối, thả gối và cho trẻ nhận biết, tập nói các đồ dùng đó. - Nghe các câu hỏi: Miệng để làm gì? Còn đây là cái gì? Muốn cầm thìa xúc cơm ăn chúng mình phải dùng gì?...	

24	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật trong truyện	- Nghe các bài thơ, đồng dao ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách	* HĐ Chơi – tập có chủ định: - Chú Gấu con ngoan (Trẻ nói được một số từ: Gấu con, Bác voi, Quả lê, Gấu mẹ, Gấu em) * Chơi – tập buổi chiều - Cho trẻ đọc các bài thơ, ca dao, đồng dao * Hoạt động chơi - Trong giờ đón, trả trẻ: Cho trẻ chơi ở các khu vực chơi, cô gọi hỏi trẻ nhận biết đồ dùng, đồ chơi ở các góc chơi. - Xem tranh ảnh video và gọi tên các nhân vật - Trẻ đọc cùng cô các bài ca dao, đồng dao: Lộn cầu vòng, Tập tầm vông, Nu na nu nống	
25	- Trẻ phát âm rõ được một số tiếng	- Phát âm các âm khác nhau	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: Thơ - Miệng xinh (Trẻ nói được một số từ: Cãi nhau, điều hay) - Đôi mắt của em (Trẻ nói được một số từ: Xinh xinh, tròn tròn) - Mẹ và cô * Hoạt động chơi - Cô cho trẻ đọc theo cô các bài thơ, ca dao, đồng dao trong các giờ chơi chiều.	
26	- Trẻ đọc được một số bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc một số đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng		
27	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 3 - 5 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng một số từ chỉ đồ vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp	* Hoạt động chơi – tập có chủ định - Cho trẻ quan sát, nhận biết tranh ảnh, vật thật qua các bài thơ, câu chuyện * Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời .(Cho trẻ quan sát, nhận biết cây cối và các đồ chơi	

			ở các nhóm chơi tự do) - Chơi ở các góc chơi theo ý thích (Cô gọi hỏi trẻ nhận biết đồ dùng, đồ chơi ở các góc chơi)	
28	- Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau. + Chào hỏi, trò chuyện (chào cô giáo, chào bố mẹ, chào, chào các bạn...) + Bày tỏ nhu cầu của bản thân như con uống nước, con muốn đi vệ sinh... + Hỏi các vấn đề quan tâm như: Cái gì đây?...	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài như con uống nước, con muốn đi vệ sinh... - Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì”, “Làm gì”...	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Giao tiếp với trẻ trong giờ đón trẻ, trả trẻ * Hoạt động chơi - tập có chủ định - Thể hiện được sự lễ phép (Con xin đọc thơ, hát)..) * Hoạt động chơi - Dạo chơi ngoài trời - Chơi tự do ở các góc * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Trong giờ ăn: Nói với cô giáo (Con xin cô bát cơm, con xin cô bát canh...) - Trong giờ vệ sinh - Nghe, hiểu, sử dụng được các từ: “ Chào cô giáo”, “Chào bố”, “Chào mẹ”, “ Chào các bạn”, “ Con xin cô, con ạ cô”, “ Con muốn đi vệ sinh”...	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội				
30	- Trẻ nói được một vài thông tin về mình (Mắt, mũi...).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân	* Hoạt động chơi – tập có chủ định - HĐNB: + Các bộ phận trên cơ thể của bé (5E) + Các bộ phận trên cơ thể của bé * Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Chơi tự do ở các góc trong giờ đón, trả trẻ - Trò chuyện với trẻ về tên, đặc điểm, sở thích của trẻ	

32	- Trẻ có thể biểu lộ thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với người xung quanh.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Giao tiếp trong giờ đón trẻ, trả trẻ * Hoạt động chơi – tập có chủ định - Trẻ thể hiện thích đọc thơ, hát theo cô * Hoạt động chơi - Chơi ở các góc chơi tự do, dạo chơi ngoài trời * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân - Trong giờ ngủ - Trong giờ ăn + Thể hiện được nhu cầu của mình với cô giáo, với các bạn.	
33	- Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	* Hoạt động chơi tập có chủ đích + Nhận biết cảm xúc vui buồn * Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Đón trẻ, trả trẻ + Xem video về cảm xúc của bé * Hoạt động chơi – tập có chủ định - Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn khi được cô khen, chê * Hoạt động chơi - Trẻ thích thú khi được chơi đùa cùng các bạn.. * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Trẻ nghe, hiểu và sử dụng được các từ: Vui, buồn, khóc, giận	
34	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.			
36	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ	- Thực hiện một số hành vi văn hoá và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Trong giờ đón trẻ, trả trẻ: Cô cho trẻ chào cô, chào bố mẹ... * Hoạt động ăn, ngủ, vệ	

			sinh: Trong giờ ăn - Dạy trẻ nói “xin”, “cảm ơn”... - Nghe, hiểu và sử dụng được các từ: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”.	
37	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (Trò chơi bế em, ru em...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi: Bế búp bê, ru em ngủ, cho em ăn, thay áo cho em....	* Hoạt động chơi: - HDG: + Góc thao tác vai (Bế em, cho em ăn, thay quần áo cho em, nấu ăn, bác sĩ khám bệnh...) + Góc vận động: Chơi với bóng, ô tô, các con vật kéo có dây... + Chơi tự do trong giờ đón, trả trẻ Nghe, hiểu và sử dụng được các từ: Bế búp bê, ru em ngủ.	
39	- Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn: Ngồi vào ghế, đi vệ sinh, đi dép...	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của cô giáo như: Ngồi vào ghế, đi vệ sinh, đi dép... - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm/ lớp như: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định	* HĐ chơi - tập có chủ định - Thực hành xếp hàng tập bài tập vận động * Hoạt động chơi (cát đồ chơi “HDG, DCNT, chơi theo ý thích trong giờ đón, trả trẻ”) * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh (Xếp hàng rửa tay. Ví dụ: Thực hành xếp thẳng hàng rửa tay...) - Giờ ngủ: Cô tập cho trẻ xếp, cất gối, thăm xộp và cho trẻ nhận biết, tập nói các đồ dùng đó.	
40	- Trẻ biết hát bài và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc trong chủ đề	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; Nghe âm thanh của các nhạc cụ	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: Âm nhạc - Hát: + Giấu tay + Cô và mẹ - VĐ: Tay thơm tay ngoan - NH: Chiếc khăn tay, Bàn tay mẹ.	
41	- Trẻ thích tô màu, vẽ, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch	- Vẽ các đường nét		

	ngoặc)	khác nhau, di màu, xếp hình, xé, vò	- HĐVĐV: + Xâu vòng tặng bạn búp bê + Nặn cái vòng tặng cô giáo *Hoạt động chơi: - TC: Thi ai nhanh, Ai nhanh nhất, ai đoán giỏi - DCNT (Chơi tự do: Chơi với phấn) - Góc: HĐVĐV (Xếp hình)	
--	--------	-------------------------------------	--	--

Tổng số mục tiêu: 33

NGƯỜI LẬP

BGH PHÊ DUYỆT

Lường Thị Mai

Hoàng Thị Lệ Hằng